TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 162/2023/QĐST-HNGĐ	*Văn Giang, ngày 07 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 149/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

Chị Hà Thị Thanh T, sinh năm 2002

HKTT: thôn PL, xã LN, huyện VG, tỉnh HY.

Chỗ ở: Khu B, xã TS, huyện TS tỉnh PT

Anh Bì Minh D, sinh năm 1993

HKTT/ chỗ ở: thôn PL, xã LN, huyện VG, tỉnh HY.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*** (Con chung của chị T, anh D): Cháu Bì Gia B, sinh ngày 21/01/2021

HKTT: thôn PL, xã LN, huyện VG, tỉnh HY.

Người đại diện hợp pháp của cháu Gia B là bố đẻ cháu: Anh Bì Minh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bì Minh D và chị Hà Thị Thanh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới tháng 6/2020; đến ngày 25/02/2021 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hợp nhau, do anh D không chăm lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, không hạnh phúc. Từ tháng 5/2023 đến nay chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh D và chị T cảm thấy không còn tình cảm với nhau nên không muốn đoàn tụ và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị T đã trầm trọng, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị chung sống với nhau không có hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh D và chị T.

[2] Về con chung: Chị T và anh D cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Bì Gia B, sinh ngày 21/01/2021.

Chị Tâm và anh D thỏa thuận thống nhất: Anh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bì Gia B đến khi cháu B đủ 18 tuổi; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau ly hôn, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của cha mẹ đang trực tiếp nuôi thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên gây ảnh hưởng.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị T và anh D là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên và quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Chị T và anh D cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị T và anh D thỏa thuận để chị T nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên sẽ chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Thanh T và anh Bì Minh D đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh D cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Bì Gia B, sinh ngày 21/01/2021.

Chị T và anh D thỏa thuận thống nhất: Anh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bì Gia B đến khi cháu B đủ 18 tuổi; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của cha mẹ đang trực tiếp

nuôi thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên gây ảnh hưởng.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Chị T và anh D cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị T và anh D thỏa thuận: Chị T nộp 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0001251 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

BÙI VŨ THU GIANG